**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA PHÒNG KINH TẾ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **TRANG** |
| 01 | Đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại | 2-5 |
| 02 | Đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại | 6-8 |
| 03 | Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại bị mất, cháy, rách, nát | 9-10 |
| 04 | Bố trí ổn định dân cư trong huyện | 11-14 |
| 05 | Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh | 15-19 |
| 06 | Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 giai đoạn 3 | 20-25 |
| 07 | Hỗ trợ dự án liên kết | 26-40 |

**1. Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ tại UBND cấp xã nơi trang trại đang hoạt động.

Bước 2: UBND cấp xã kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ và trao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ trong đó ghi rõ ngày hẹn trả kết quả.

Bước 3: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp xã kiểm tra và xác nhận Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại và chuyển hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại đến UBND cấp huyện. Trường hợp không xác nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không xác nhận cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 4: UBND cấp huyện thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo mẫu cho cá nhân, hộ gia đình trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ từ UBND cấp xã chuyển lên.

Giấy chứng nhận kinh tế trang trại sau khi cấp được chuyển cho UBND cấp xã và trả cho trang trại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại, UBND cấp huyện phải gửi văn bản cho UBND cấp xã, trong đó nói rõ lý do để thông báo cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 2 ngày làm việc.

Bước 5: Cá nhân, hộ gia đình hoặc người đại diện được ủy quyền theo giấy hẹn đến nhận kết quả tại UBND cấp xã.

Nếu sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ mà không nhận được giấy chứng nhận kinh tế trang trại hoặc không nhận được thông báo không cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại thì người xin cấp giấy chứng nhận có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ được nộp trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp huyện

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất để sản xuất kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Đối với diện tích đất cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận là người đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chí xác định kinh tế trang trại

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**f) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** không

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn điều kiện sau:

\* Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp phải đạt:

- Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu:

+ 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

+ 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại.

- Giá trị sản lượng hàng hóa đạt 700 triệu đồng/năm.

\* Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên;

\* Đối với cơ sở lâm nghiệp phải có quy mô diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 500 triệu đồng/năm trở lên;

**k) Căn cứ pháp lý:**

Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**Phụ lục II**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KINH TẾ TRANG TRẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2011/TT-BNNPTNT*

*ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**KINH TẾ TRANG TRẠI**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện .................................

Họ và tên chủ trang trại hoặc (đại diện hộ gia đình trang trại):............................... Nam/Nữ

Năm sinh

Chứng minh nhân dân số............................ngày cấp...../..../.......Nơi cấp:.....................

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND)................................................

Ngày cấp.............../....../......Ngày hết hạn......./....../......... Nơi cấp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**Đề nghị cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại với những thông tin sau:**

1. Địa điểm trang trại:

2. Lĩnh vực sản xuất của trang trại:

3. Diện tích đất của trang trại: Tổng diện tích đất nông nghiệp (ha):

Trong đó: +) Diện tích đất lâm nghiệp:

+) Diện tích các loại đất nông nghiệp khác:

4. Giá trị sản lượng hàng hóa năm liền kề:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên sản phẩm | Sản lượng hàng hóa | | Giá bán sản phẩm (1000 đ) | Giá trị sản lượng hàng hóa trong năm |
| Đơn vị tính | Số lượng |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung kê khai trên đơn./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.........., ngày .... tháng .... năm .......*  **Người làm đơn**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

|  |
| --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ** *(về lĩnh vực sản xuất, giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại)* |
|  |
| *Ngày…*.. *tháng…*. *năm* …..  **TM. Uỷ ban nhân dân**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**2. Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ trang trại hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ tại UBND cấp xã nơi trang trại đang hoạt động.

Bước 2: UBND cấp xã kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, nếu hợp lệ UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ và trao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ trong đó ghi rõ ngày hẹn trả kết quả.

Bước 3: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp xã kiểm tra và xác nhận Đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại và chuyển hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại đến UBND cấp huyện. Trường hợp không xác nhận đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không xác nhận cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Bước 4: UBND cấp huyện thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo mẫu cho cá nhân, hộ gia đình trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ từ UBND cấp xã chuyển lên.

Giấy chứng nhận kinh tế trang trại sau khi cấp được chuyển cho UBND cấp xã và trả cho trang trại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại, UBND cấp huyện phải gửi văn bản cho UBND cấp xã, trong đó nói rõ lý do để thông báo cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 2 ngày làm việc.

Bước 5: Chủ trang trại hoặc người đại diện được ủy quyền theo giấy hẹn đến nhận kết quả tại UBND cấp xã.

Nếu sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ mà không nhận được giấy chứng nhận kinh tế trang trại hoặc không nhận được thông báo không cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại thì người xin cấp giấy chứng nhận có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ được nộp trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp huyện

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận Kinh tế trang trại

- Giấy chứng nhận trang trại đã được cấp

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh thay đổi tên chủ trang trại.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thay đổi tên chủ trang trại do chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, Thay đổi về lĩnh vực sản xuất của trang trại

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**f) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** không

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trang trại đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại (giấy chứng nhận còn thời hạn)

**k) Căn cứ pháp lý:**

Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**Phụ lục III**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KINH TẾ TRANG TRẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2011/TT-BNNPTNT*

*ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN**

**KINH TẾ TRANG TRẠI**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện .................................

Tôi là:............................... Nam/Nữ

Năm sinh

Chứng minh nhân dân số...........................ngày cấp...../..../.......Nơi cấp:....................

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND)..........................................

Ngày cấp.............../....../......Ngày hết hạn......./....../......... Nơi cấp

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Địa điểm trang trại:

Lĩnh vực sản xuất của trang trại:

**Đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại với những thay đổi sau:**

1. Thay đổi chủ trang trại:

- Họ tên chủ trang trại cũ:

- Hộ khẩu thường trú:

- Lý do thay đổi chủ trang trại:

2. Thay đổi lĩnh vực sản xuất của trang trại:

- Lĩnh vực sản xuất của trang trại trong giấy chứng nhận kinh tế trang trại cũ:

- Lĩnh vực sản xuất hiện tại của trang trại:

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung kê khai trên đơn./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.........., ngày .... tháng .... năm .......*  **Người làm đơn**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

|  |
| --- |
| **XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ** |
| - Chủ trang trại:  - Lĩnh vực sản xuất của trang trại (trang trại trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tổng hợp): |
| *Ngày…*.. *tháng…*. *năm* …..  **TM. Uỷ ban nhân dân**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**3. Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ trang trại nộp giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại tại UBND cấp huyện.

Bước 2: UBND cấp huyện nhận giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại, ghi giấy hẹn và xem xét cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại, trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Bước 3: UBND cấp huyện trả giấy chứng nhận kinh tế trang trại cho người nộp theo giấy hẹn.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ được nộp trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp huyện

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại

- Giấy chứng nhận kinh tế trang trại đã được cấp đối với trường hợp rách, nát.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trang trại đã được cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**f) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** không

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kinh tế trang trại còn thời hạn nhưng bị mất, cháy, rách, nát.

**k) Căn cứ pháp lý:**

Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

**Phụ lục IV**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KINH TẾ TRANG TRẠI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27 /2011/TT-BNNPTNT*

*ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

**KINH TẾ TRANG TRẠI**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân huyện .................................

Tôi là:............................... Nam/Nữ

Năm sinh

Chứng minh nhân dân số................................ngày cấp...../..../.......Nơi cấp:.....................

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND)................................................

Ngày cấp.............../....../......Ngày hết hạn......./....../......... Nơi cấp

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Số Giấy chứng nhận kinh tế trang trại đã được cấp:……….…………ngày cấp………..

Lý do đề nghị cấp lại:

Để thuận tiện trong hoạt động, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung kê khai trên đơn./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.........., ngày .... tháng .... năm .......*  **Người làm đơn**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**4. Bố trí ổn định dân cư trong huyện**

**A. Nội dung thủ tục hành chính (TTHC)**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Trong vòng 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT);

- Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (ban hành kèm theo Phụ lục II của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT);

- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT).

- Tờ trình của UBND cấp xã.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**f) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định hành chính

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

**k) Căn cứ pháp lý:**

Thông tư 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

**B. Mẫu đơn, tờ khai**

**PHỤ LỤC I**

*(Ban hành kèm theo TT số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN TỰ NGUYỆN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã...............................................

Họ và tên chủ hộ:.............................. Dân tộc.............. .

Sinh ngày........... tháng....... năm.......

Nguyên quán:................................................................................................

Nơi ở hiện nay:..............................................................................................

Hộ khẩu thường trú:.......................................................................................

Thuộc đối tượng bố trí, ổn định dân cư:…………………………………(\*)

Tên dự án, phương án:...............…………………………………………

Số người đi trong hộ có:................ khẩu................lao động.

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐI TRONG HỘ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Họ và Tên** | **Năm sinh** | | **Quan hệ với chủ hộ** | **Trình độ Văn hoá** | **Nghề nghiệp** | **Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân** |
| **Nam** | **Nữ** |
| **1** |  |  |  | **Chủ hộ** |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi tự nguyện làm đơn này xin tham gia dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

Nếu được chấp nhận tôi xin cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức xây dựng cuộc sống lâu dài tại nơi được bố trí, sắp xếp.

Nếu tôi tự ý bỏ đi nơi khác, tôi sẽ phải hoàn trả các khoản tiền Nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)./.

......, ngày..... tháng..... năm ......

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ**  ***(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)*** | **CHỦ HỘ LÀM ĐƠN**  ***(Ký và ghi rõ họ tên)*** |

**PHỤ LỤC II**

*(Ban hành kèm theo TT số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN BÌNH XÉT HỘ DÂN THAM GIA**

**DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)…………………………**

Hôm nay, ngày.......tháng....... năm.....,

Tại thôn (bản)..............xã.................huyện..............tỉnh..........................

diễn ra cuộc họp với các nội dung sau:

**I/ Thành phần tham dự gồm:**

1. Đại diện UBND cấp xã:

- Ông (bà)………………………. Chức vụ……………………………….

-……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

2. Hội đồng bình xét:

- Ông (bà)………………………. Chức vụ………………………………..

- ………………………. ………………….……………………………….

- ……………………………………………………………………………

**II/ Kết quả bình xét**:

Tổng số hộ có đơn:…….......

Số hộ được bình xét: ………

**Danh sách hộ được bình xét**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên**  **Chủ hộ** | **Năm sinh** | | **Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân** | **Ghi chú** |
| **Nam** | **Nữ** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |

Cuộc họp kết thúc lúc ….. ngày …….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  **BÌNH XÉT**  *(Ký tên)* | **CHỦ DỰ ÁN**  *(Ký tên)* | **UBND CẤP XÃ**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC III**

*(Ban hành kèm theo TT số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ…….** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁC HỘ THAM GIA**

**DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)…………………………………**

Đối tượng bố trí, ổn định dân cư (\*): ........................................... Hình thức (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ):…….

Nơi đi:................Thôn (bản).......... xã………., huyện............…………tỉnh......................................................................;

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **tự hộ** | **Họ và tên**  **(từng người trong hộ)** | **Năm sinh** | | **Quan hệ với chủ hộ** | **Số Khẩu (của hộ)** | **Số lao động**  **(của hộ)** | **Trình độ Văn hoá** | **Nghề nghiệp** | **Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân**  **(chủ hộ)** | **Ghi chú** |
| **Nam** | **Nữ** |
| **1** | **1.1.** |  |  | **Chủ hộ** |  |  |  |  |  |  |
|  | 1.2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **2.1.** |  |  | **Chủ hộ** |  |  |  |  |  |  |
|  | 2.2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày....... tháng........ năm ......  **UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  *(Ký tên và đóng dấu)* |  | Ngày....... tháng........ năm ....  **UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *(\*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng.*

**5. Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh**

**A. Nội dung thủ tục hành chính (TTHC)**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi.

Bước 2: Trong vòng 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi tổ chức thẩm định hồ sơ, ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư và gửi Quyết định đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến.

Bước 3: Trong vòng 25 ngày kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến tổ chức thẩm tra địa bàn nhân dân, xem xét, ban hành quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ:

\*Hồ sơ gửi UBND huyện nơi đi Thành phần:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT);

- Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (ban hành kèm theo Phụ lục II của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT);

- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT).

- Tờ trình của UBND cấp xã.

\* Số lượng: 01 bộ

\* Hồ sơ gửi UBND huyện nơi đến

- Văn bản đề nghị tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư của huyện nơi đi

- Quyết định UBND huyện nơi đi

\* Số lượng: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**f) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân cấp huyện

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định hành chính

**h) Phí, lệ phí:** không

**i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

**k) Căn cứ pháp lý:**

Thông tư 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

**B. Mẫu đơn, tờ khai**

**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN TỰ NGUYỆN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã …………………………………………..

Họ và tên chủ hộ:…………………… …. Dân tộc ………………………

Sinh ngày………tháng……….năm………

Nguyên quán: ……………………………………………………………

Nơi ở hiện nay: …………………………………………………………..

Hộ khẩu thường trú: ……………………………………………………….

Thuộc đối tượng bố trí, ổn định dân cư: ……………………………...(\*)

Tên dự án, phương án: ……………………………………………………

Số người đi trong hộ có: …………….…. khẩu …………......... lao động.

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐI TRONG HỘ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | | **Quan hệ với chủ hộ** | **Trình độ Văn hóa** | **Nghề nghiệp** | **Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân** |
| **Nam** | **Nữ** |
| 1 |  |  |  | Chủ hộ |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi tự nguyện làm đơn này xin tham gia dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

Nếu được chấp nhận tôi xin cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của Pháp luật.

- Tổ chức xây dựng cuộc sống lâu dài tại nơi được bố trí, sắp xếp.

Nếu tôi tự ý bỏ đi nơi khác, tôi sẽ phải hoàn trả các khoản tiền Nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)./.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ *(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)*** | *…..,ngày….tháng….. năm…….* **CHỦ HỘ LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ tên)*** |

***Ghi chú:*** *(\*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng.*

**Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN BÌNH XÉT HỘ DÂN THAM GIA**

**DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)...................................**

Hôm nay, ngày……. tháng……. năm……,

Tại thôn (bản)……………xã…….….huyện…….……tỉnh…….……….. diễn ra cuộc họp với các nội dung sau:

**I/ Thành phần tham dự gồm:**

1. Đại diện UBND cấp xã:

- Ông (bà) ………………………………………..Chức vụ ……………..

-……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

2. Hội đồng bình xét:

- Ông (bà) ………………………………….Chức vụ ……………………

-……………………………………………………………………………

- ……………………………………………………………………………

**II/ Kết quả bình xét:**

Tổng số hộ có đơn: ……………………..

Số hộ được bình xét: ............................

**Danh sách hộ được bình xét**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên Chủ hộ** | **Năm sinh** | | **Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân** | **Ghi chú** |
| **Nam** | **Nữ** |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |

Cuộc họp kết thúc lúc ……..ngày…….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BÌNH XÉT** *(Ký tên)* | **CHỦ DỰ ÁN**  *(Ký tên)* | **UBND CẤP XÃ**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁC HỘ THAM GIA**

**DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)…………………..**

Đối tượng bố trí, ổn định dân cư (\*): ……………………………… Hình thức (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ): ………………………….…………

Nơi đi: ……thôn (bản)…… ..xã……..huyện…………..tỉnh… …..…....;

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự hộ** | **Họ và tên (từng người trong hộ)** | **Năm sinh** | | **Quan hệ với chủ hộ** | **Số Khẩu (của hộ)** | **Số lao động (của hộ)** | **Trình độ văn hóa** | **Nghề nghiệp** | **Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân (chủ hộ)** | **Ghi chú** |
| **Nam** | **Nữ** |
| **1** | **1.1** |  |  | **Chủ hộ** |  |  |  |  |  |  |
|  | 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **2.1** |  |  | **Chủ hộ** |  |  |  |  |  |  |
|  | 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  | |  | |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày……. tháng……. năm…..*  **ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *(\*) đối tượng: Thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng.*

**6. Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135 giai đoạn 3.**

**A. Nội dung thủ tục hành chính**

**a) Trình tự thực hiện thủ tục hành chính:**

- Bước 1: Nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn cấp huyện chuyển đến.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 3: Cán bộ chuyên môn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung hồ sơ hoàn chỉnh và hợp lệ;

+ Nếu hồ sơ hoàn chính và hợp lệ thì công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và ra phiếu hẹn ngày trả kết quả theo quy định*.*

- Bước 4: Cá nhân nhận kết quả tại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

\* Lưu ý:

+ Khi đến nhận kết quả thì người nhận phải mang theo và trả lại phiếu nhận hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ có giấy hẹn trả kết quả.

+ Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:** Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Phòng Kinh tế thị xã, thành phố Trà Vinh, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện hoặc qua đường bưu chính.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án.

- Đơn đăng ký của các hộ tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

- Biên bản họp thôn, bản (Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

- Danh sách hộ, nhóm hộ đăng ký dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

- Thuyết minh dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết thủ tục hành chính:**15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Ủy ban nhân dân cấp xã.

**f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định hành chính.

**h) Phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đơn đăng ký của các hộ tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

- Biên bản họp thôn, bản (Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

- Danh sách hộ, nhóm hộ đăng ký dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

- Thuyết minh dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014).

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 5/12/2014 huớng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

**B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:**

**PHỤ LỤC 01**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND Xã .... Thôn …. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc ------------------** |
|  | *(Tên thôn), ngày      tháng      năm ……* |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

Họ tên chủ hộ:

Địa chỉ: (thôn, xã, huyện)

**1. Điều kiện sản xuất của hộ gia đình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | Diện tích đất để tham gia dự án | m2 |  |  |
| 2 | Lao động trong độ tuổi |  |  |  |
| 3 | Điều kiện khác |  |  |  |

**2. Nội dung đăng ký tham gia dự án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | Giống cây trồng |  |  |  |
| 2 | Giống vật nuôi |  |  |  |
| 3 | Phân bón |  |  |  |
| 4 | Máy móc, thiết bị |  |  |  |
| 5 | ………………………… |  |  |  |

- Nội dung đăng ký tham gia dự án: (địa điểm, mục tiêu)

- Theo dự kiến dự án phát triển sản xuất của xã, cam kết có đủ nguồn lực (đất đai, nhân công, chuồng trại...v v) để thực hiện các hoạt động nói trên. Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định của dự án;

Hộ xin cam đoan thực hiện đầy đủ các điều đã cam kết trên; nếu sai hộ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chủ hộ đăng ký (ký tên)** |

**PHỤ LỤC 02**

**BIÊN BẢN HỌP THÔN***(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND Xã .... Thôn …. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc ------------------** |
|  | *(Tên thôn), ngày      tháng      năm ……* |

**BIÊN BẢN HỌP THÔN**

Hôm nay, ngày      tháng      năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn …… đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).

- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).

- Thành phần tham gia:

+ Đại diện các tổ chức, đoàn thể tham gia:.................................................................

.....................................................................................................................................

+ Số lượng hộ tham gia (có danh sách kèm theo):

1. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự kiến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của xã

- Phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135

- Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án

- Quyết định hộ, nhóm hộ tham gia dự án.

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

2. Kết quả cuộc họp

- Danh sách các hộ, nhóm hộ được lựa chọn tham gia dự án....................................

- Nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đề nghị chỉnh sửa, bổ sung....................

- Phương thức tổ chức thực hiện dự án.....................................................................

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ … cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện hộ dân** (ký, họ tên) | **Thư ký** (ký, họ tên) | **Chủ trì (Trưởng thôn)** (ký, họ tên) |

**PHỤ LỤC 03**

**DANH SÁCH HỘ THAM GIA DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND XÃ .... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc ------------------** |
|  | *(Tên xã), ngày      tháng      năm ……* |

**DANH SÁCH HỘ, NHÓM HỘ THAM GIA   
DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

Căn cứ vào Biên bản họp các thôn ... ngày ... tháng ... năm…… về lựa chọn danh sách hộ, nhóm hộ tham gia và nội dung thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 năm 20…;

Căn cứ nhu cầu của các hộ, nhóm hộ tham gia thực hiện dự án;

Danh sách các hộ, nhóm hộ đăng ký tham gia dự án và nhận hỗ trợ như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Địa chỉ** | **Diện tích đất SX** | **Lao động** | **Đăng ký hỗ trợ** | | | | **Ghi chú** |
| **Giống cây trồng** | **Giống vật nuôi** | **Phân bón** | **………** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tổng số hộ tham gia:................................................................................................

Tổng số nhóm hộ tham gia (nếu có):........................................................................

Tổng số tiền đề nghị dự án hỗ trợ :………………đồng (bằng chữ........................... )

Tổng số tiền người dân đóng góp:……………….đồng (bằng chữ........................... )

Đồng ý......................................................................................................................

Không đồng ý (thay đổi nếu có)...............................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập** (Ký, ghi rõ họ tên) | **Xác nhận của UBND xã** (Chủ tịch Ký tên đóng dấu) |

**PHỤ LỤC 04**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND XÃ .... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc ------------------** |
|  | *(Tên xã), ngày      tháng      năm ……* |

**THUYẾT MINH DỰ ÁN**

**Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình 135**

**1. Mục tiêu dự án:**

- Phát triển sản xuất để tạo việc làm, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu nhập từ sản xuất...

- Thu nhập tăng thêm của các hộ nghèo tham gia dự án.

- Số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án.

**2. Nội dung dự án:**

- Địa điểm triển khai: (thôn, bản, ấp phum, sóc).

- Tóm tắt nội dung dự án (loại hình sản xuất, qui mô, tổng số hộ, nhóm hộ tham gia…vv).

- Các yêu cầu về kỹ thuật: Giải thích rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến các hoạt động dự án. Ví dụ: Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết hỗ trợ (tên, chủng loại, thông số kỹ thuật, số lượng hỗ trợ,...), quy trình kỹ thuật áp dụng...v.v.

- Thời gian triển khai.

- Dự kiến đạt được.

- ......................................

**3. Các hoạt động của dự án** (nếu dự án bao gồm nhiều năm thì mỗi năm làm một 1 bảng và 1 bảng tổng hợp chung theo mẫu sau).

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hoạt động** | **Số hộ, nhóm hộ tham gia** | **Số lượng, khối lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | | **Thời gian thực hiện và các ghi chú khác** |
| **Dân đóng góp** | **Dự án hỗ trợ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………. | …… | …… | …… | …… | …… | …………… |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |

**4. Tổ chức thực hiện dự án:**

- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện.

- Trách nhiệm của các hộ tham gia dự án.

- Trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng thôn, bản và cán bộ tham gia thực hiện dự án.

**5. Kiểm tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện dự án**

- Nêu rõ nội dung hình thức kiểm tra, đánh giá thực hiện dự án.

- Phân công tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện dự án.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ngày    tháng    năm 20... **TM. UBND XÃ.... CHỦ TỊCH** (ký và đóng dấu) |

**7. Hỗ trợ dự án liên kết**

A. Nội dung thủ tục hành chính (TTHC) a)Trình tự thực hiện

-Bước 1. Chủ ñầu tư dự án liên kết gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện

-Bước 2. Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy ñịnh, Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp thành lập Hội đồng thẩm ñịnh hồ sơ. Hội đồng thẩm ñịnh gồm Lãnh ñạo Phòng Nông nghiệp là chủ tịch hội đồng, các thành viên là đại diện Phòng Kế hoạch, Tài chính, các đơn vị liên quan và lãnh ñạo Ủy ban nhân dân các xã có liên quan.

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm ñịnh, nếu hồ sơ đủ ñiều kiện thì Phòng Nông nghiệp có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.

+ Nếu hồ sơ không đủ ñiều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm ñịnh, Phòng Nông nghiệp phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ ñầu tư dự án liên kết được biết.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Nông nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết ñịnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết;

Bước 4: Trả kết quả.

Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân huyện nhận kết quả

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy ñịnh).

b) Cách thức thực hiện: Theo ñường bưu ñiện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân huyện

c) Thành phần hồ sơ:

- đơn đề nghị của chủ dự án (theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị ñịnh số 98/2018/NĐ-CP);

- Dự án liên kết (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị ñịnh số 98/2018/NĐ-CP);

- Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ ñầu tư dự án liên kết (theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị ñịnh số 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;

- Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo ñảm các quy ñịnh của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị ñịnh số 98/2018/NĐ-CP);

- Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

\*Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 12 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp thành lập hội đồng và tổ chức thẩm ñịnh hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ ñiều kiện thì Phòng Nông nghiệp có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.

- Nếu hồ sơ không đủ ñiều kiện thì trong vòng 08 ngày làm việc kể từ khi thẩm ñịnh, Phòng Nông nghiệp phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ ñầu tư dự án liên kết được biết.

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Nông nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết ñịnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.

e) đối tượng thực hiện TTHC: Là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy ñịnh tại Nghị ñịnh số 98/2018/NĐ-CP.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế) tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

g) Phí, lệ phí: không

h) Tên mẫu đơn tờ khai:

- Mẫu số 01. đơn đề nghị hỗ trợ liên kết

- Mẫu số 02. Dự án liên kết

- Mẫu số 03. Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết

- Mẫu số 04. Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ ñầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên

- Mẫu số 05. Bản cam kết bảo ñảm các quy ñịnh của pháp luật về tiêu chuẩn chất

lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

i) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết ñịnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.

j) Yêu cầu thực hiện TTHC:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của bàn phương.

- Hợp đồng liên kết được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền.

- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo ñảm các quy ñịnh của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Liên kết ñảm bảo ổn ñịnh:

+ đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 05 năm;

+ đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Dự án liên kết có sự hỗ trợ của nhà nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị ñịnh số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

TÊN đối TƯỢNG THAM GIA LIÊN KẾT

-------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---------------

Mẫu số 01

Số: ………../ ….., ngày……tháng……năm………

đơn ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (thành phố)…… (hoặc UBND huyện (quận) )

Chủ ñầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):..................................................................

Người đại diện theo pháp luật: .............................................................................................

Chức vụ: ...............................................................................................................................

Giấy đăng ký kinh doanh số............................................... ngày cấp…………………………

địa chỉ: .......................................................................

điện thoại: ……………………… Fax:……………………… Email: .......................................

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ ñầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị

.................................................................. (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết: .................

2. điạ bàn thực hiện: ..............................

3. Quy mô liên kết: ...........................................

4. Tiến ñộ thực hiện dự kiến: ...............................

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: .......................

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: ..........................

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông: ....................

4. Hỗ trợ ñào tạo, tập huấn: ....................................

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: ...............

6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới: .........

7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ ...............................

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .............

III. CAM KẾT: (tên chủ ñầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy ñịnh khi có quyết ñịnh hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy ñịnh tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy ñịnh của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm) /.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Như kính gửi;  - Lưu: | CHỦ Đầu TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)  (Ký, ghi họ tên, ñóng dấu) |

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CHỦ Đầu TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  Số: …………./…………. ………., | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------  ngày………..tháng……..năm…….. |

Mẫu số 02

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT: ..................................................................................................

II. CÁC đối TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết: .........................................................................................................

- Người đại diện theo pháp luật: ........................................................................................

- Chức vụ: ..........................................................................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số ............................ ,ngày cấp ...............................................

- điạ chỉ: .............................................................................................................................

- điện thoại: ........................ Fax: ........................ Email: ...................................................

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết) a) Tên đơn vị tham gia liên kết: ...........................................................................................

- Người đại diện theo pháp luật: .............................................

- Chức vụ: .....................................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số………………………………………, ngày cấp: ......................

- điạ chỉ: ...................................................................

- điện thoại:………………………. Fax: …………………………E-mail ................................

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: ........................................................

- Người đại diện theo pháp luật: ....................................................

- Chức vụ: .............................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số………………., ngày cấp: ................................

- điạ chỉ:..............................................

- điện thoại:………………………. Fax: …………………………E-mail ................................

c) ...................

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

III. điạ ðIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT: ...................................................................

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

............................................................................................................

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.................................................................................

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên bàn bàn (ñiều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên bàn bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: ......................................................................

2. Quy mô liên kết: ...............................................................................................................

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: ...........................................................................

4. Hình thức liên kết: ...........................................................................................................

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .................................................

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện ñể ñưa dự án vào hoạt ñộng (thuê ñất, san lấp mặt bằng, ñầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...) ...........

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...) .....................................................................................

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy ñịnh của Chương trình khuyến nông,...) ................................................................................................

- Hỗ trợ ñào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình ñào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, ………………..) ......................................................................................................................

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, ………………..) ...............................................................................................................

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan. )

...................................................................................................................

2. đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

..................................................................................................................

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm) Tổng số tiền xin hỗ trợ .......................................................................................................

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ ñầu tư dự án liên kết căn cứ các quy ñịnh hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy ñịnh hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan ñể phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

................................................................................................................................

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ðỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội): ............................................

2. Tác ñộng của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ ñầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể ñể thực hiện dự án liên kết. Trong ñó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ ñầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với ñiều kiện thực tế.

CHỦ Đầu TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu)

**Mẫu số 03**

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết: ...............................................................................................................

- Người đại diện theo pháp luật: ........................................................................................

- Chức vụ: ..........................................................................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số ........................ , ngày cấp ..................................................

- điạ chỉ: .............................................................................................................................

- điện thoại: ...................... Fax: .................. Email: ...........................................................

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết) a) Tên đơn vị tham gia liên kết:....................................

- Người đại diện theo pháp luật: ..............................................

- Chức vụ: ...............................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số…………………… ngày cấp: .......................

- điạ chỉ: .......................................................................

- điện thoại: ...................... , Fax: ................ E-mail .................

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: ..........................................

- Người đại diện theo pháp luật: .......................................

- Chức vụ: ...........................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số………………………………, ngày cấp: .................................

- điạ chỉ: ................................................................................

- điện thoại: ...................... Fax: .................. E-mail ......................

c) ...........................

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. điạ ñiểm thực hiện liên kết: .............................................................................................

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: ................................

- Quy mô liên kết: ....................................................................

- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .............................................................................

- Hình thức liên kết: .......................................................................

- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: ................................

- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

- Hỗ trợ ñào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ðỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ðỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu)

**Mẫu số 04**

BẢN THỎA THUẬN

VỀ VIỆC CỬ đơn VỊ LÀM CHỦ Đầu TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

Ngày .......... tháng ............ năm .............. , tại ,

......................................... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: ..........................................................................................

- Người đại diện theo pháp luật: ........................................................................................

- Chức vụ: ..........................................................................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số .......................................... , ngày cấp: ..............................

- điạ chỉ: .............................................................................................................................

- điện thoại: .................................. , Fax: .................... E-mail ..........................................

2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .........................................................................................

- Người đại diện theo pháp luật: ........................................................................................

- Chức vụ: ..........................................................................................................................

- Giấy đăng ký kinh doanh số ...................................... , ngày cấp: ..................................

- điạ chỉ: .............................................................................................................................

- điện thoại: .................................. , Fax: .......................... E-mail ....................................

3. .......................................................................................................................................

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ ñầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. đơn VỊ LÀM CHỦ Đầu TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT): .............

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. điạ bàn liên kết: ..............................................................................................................

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....................................................................

3. Quy mô liên kết: ..............................................................................................................

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: ...........................................................................

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .................................................

III. TỔNG Đầu TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng, trong ñó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ đồng

2. đối ứng của các bên tham gia liên kết đồng

- ......................... (tên đơn vị tham gia liên kết) đồng

- ......................... (tên đơn vị tham gia liên kết) đồng

3. Các nguồn vốn khác đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

.......................................................................................................

2. Các quy ñịnh về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận ................................................

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ

………..bản, chủ ñầu tư dự án liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

|  |  |
| --- | --- |
| đơn VỊ THAM GIA LIÊN KẾT  (Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu)  đơn VỊ THAM GIA LIÊN KẾT  (Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu) | đơn VỊ THAM GIA LIÊN KẾT  (Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu)  đơn VỊ THAM GIA LIÊN KẾT  (Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu) |

**Mẫu số 05**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---------------

………….., ngày ……… tháng ……… năm 20......

BẢN CAM KẾT

Bảo ñảm các quy ñịnh của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi: ………………………………………………………………..

(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết) Chủ ñầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) ,

Người đại diện theo pháp luật:...............................

Chức vụ:...........................................

điạ chỉ:...........................................................

điện thoại: …………………………, Fax: ………………………… E-mail: ..........................

Mã số thuế.........................................................

Sản phẩm liên kết: ..........................................................

Loại hình liên kết:......................................................

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy ñịnh của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt □ Lâm nghiệp □ Chăn nuôi □ Nuôi trồng thủy sản □ Khai thác, sản xuất muối □ Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản □

(ðánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHỦ Đầu TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

(Ký, ghi rõ họ tên, ñóng dấu)